

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2023/HC-ST
Ngày: 27/9/2023
V/v khiếu kiện Quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Mười

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Chí Tuyên
2. Bà Huỳnh Thị Tuyết Nga

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đức Thiên Phước - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:
Ông Hồ Hồng Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 22/2019/TLST-HC ngày 26/3/2019 về việc: “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”, giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:**

1. Ông **Bùi Văn T**, sinh năm 1950. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Bùi Thị L**, sinh năm 1984 (theo văn bản ủy quyền ngày 01/6/2022). Có mặt.

Cùng địa chỉ: **thôn X, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.**

2. Bà **Phạm Thị X**, sinh năm 1956. Có mặt.

Địa chỉ: **thôn X, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.**

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Ông **Trần Việt N** - Trợ giúp viên pháp lý, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý - Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

Địa chỉ: **Số F P, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.**

*** Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo pháp luật: Chủ tịch UBND huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Địa chỉ: Thị trấn C, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

*** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Chị Bùi Thị H.

2. Chị Bùi Thị L. Có mặt.

3. Chị Bùi Thị M.

4. Anh Bùi Văn S.

Cùng địa chỉ: Thôn X, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Chị H, chị M, anh S đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

5. Ông Phạm Công H1. Vắng mặt.

6. Bà Nguyễn Thị Hoa P. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn P, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

7. Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Quảng Ngãi;

Người đại diện theo pháp luật: Giám đốc Ban Q xây dựng các công trình giao thông tỉnh Quảng Ngãi;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ T1 - Trưởng phòng Quản lý dự án 3 - Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Quảng Ngãi (theo văn bản ủy quyền ngày 17/8/2023). Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: B V, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

8. Ông Nguyễn Văn S1. Vắng mặt.

Địa chỉ: Đ, thôn X, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 10/12/2018 và các đơn khởi kiện bổ sung, người khởi kiện ông Bùi Văn T, bà Phạm Thị X trình bày như sau:*

Để thực hiện dự án đầu tư xây dựng mở rộng Quốc lộ A, đoạn KM 1027 - Km 1045+780 đoạn qua huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Ngày 01/11/2017, UBND huyện B ban hành quyết định số 1555/QĐ-UBND ngày 01/11/2017 về việc thu hồi đất của hộ ông Bùi Văn T. Ngày 26/4/2018, UBND huyện B ban hành quyết định số 1667/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Bùi Văn T với tổng số tiền 230.592.042 đồng (về đất 37.400.000đ, về nhà cửa, vật kiến trúc 193.192.042đồng). Ngày 27/9/2019, UBND huyện B ban hành quyết định số 2196/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất.

Ông T, bà X không đồng ý với các quyết định về thu hồi đất; quyết định bồi thường, hỗ trợ và quyết định cưỡng chế thu hồi đất của UBND huyện B; ông T đã có các đơn khiếu nại đề ngày 19/10/2018, ngày 23/10/2018. Nội dung tại các đơn khiếu nại ông yêu cầu: Hủy bỏ quyết định số 1555/QĐ-UBND ngày 01/11/2017 và quyết định số 2196/QĐ-UBND ngày 27/9/2018 và ông yêu cầu bồi thường cho

đúng diện tích đất bị thu hồi phải là 201m² loại đất ở và giá đất là 500.000đ/m² (170m² đất bị thu hồi + 40m² chuyển nhượng cho ông **Phạm Công H1** tại giấy viết tay ngày 08/10/2001). Việc **UBND huyện B** đã bồi thường cho hộ ông loại đất trồng cây hàng năm khác là không đúng. Vì khi thu hồi đất có nhà ở là cơ sở kinh doanh dịch vụ và cấp cho gia đình ông 01 lô tái định cư theo quy định của pháp luật. Ngày 30/10/2018, Chủ tịch **UBND huyện B** ban hành quyết định số 2514/QĐ-UBND về việc thụ lý và giao Chánh Thanh tra huyện thẩm tra xác minh kết luận đơn khiếu nại ngày 19/10/2018. Ngày 30/10/2018, Chủ tịch **UBND huyện B** ban hành Thông báo số 347/TB-UBND về việc thụ lý giải quyết khiếu nại. Ngày 27/11/2018, Chủ tịch **UBND huyện B** ban hành Thông báo số 412/TB-UBND về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại cho ông **Bùi Văn T**. Lý do không thụ lý giải quyết khiếu nại: “*vì quá thời hiệu khiếu nại so với quy định của pháp luật quy định tại Điều 9 của Luật khiếu nại 2011*”.

Ông **Bùi Văn T**, bà **Phạm Thị X** cho rằng các quyết định số 1555/QĐ-UBND ngày 01/11/2017 về việc thu hồi đất, quyết định số 2196/QĐ-UBND ngày 27/9/2019 về việc cưỡng chế thu hồi đất và quyết định số 1667/QĐ-UBND ngày 26/4/2018 về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình ông; quyết định số 1311/QĐ-UBND ngày 26/9/2017 về việc thu hồi đất của hộ ông **Phạm Công H1** và quyết định số 2752/QĐ-UBND ngày 05/10/2017 về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông **Phạm Công H1** là trái pháp luật, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông, bà. Tuy nhiên, tại các đơn khởi kiện và đơn khởi kiện bổ sung ông **T**, bà **X** chỉ yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi giải quyết hủy: quyết định số 1555/QĐ-UBND ngày 01/11/2017; quyết định số 1311/QĐ-UBND ngày 26/9/2017 và quyết định số 2752/QĐ-UBND ngày 05/10/2017 của **UBND huyện B**.

Căn cứ Ông **Bùi Văn T**, bà **Phạm Thị X** yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi giải quyết hủy các Quyết định nêu trên:

- Đất thu hồi của hộ ông là đất ở không phải là đất trồng cây hàng năm khác. Vì thửa đất thu hồi của hộ ông đã được xây dựng nhà ở từ trước năm 1980 cả hộ ông cùng chung sống tại nhà đã xây dựng trên đất.

- Tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do **UBND huyện B** cấp cho hộ ông ghi loại đất T diện tích 1870m² nhưng khi **UBND huyện B** thu hồi đất 170m² đất (trồng cây hàng năm khác). Việc bồi thường cho gia đình ông là không đúng thực tế với hiện trạng sử dụng đất. Xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của hộ ông.

Tại phiên họp kiểm tra, giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ ngày 08/10/2019. **UBND huyện B** đã cung cấp cho người khởi kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan các quyết định số 2041/QĐ-UBND ngày 24/7/2019; quyết định số 1376/QĐ-UBND ngày 09/8/2019 về việc hủy bỏ các quyết định số 1311/QĐ-UBND ngày 26/9/2017 và quyết định số 2752/QĐ-UBND ngày 05/10/2017 của **UBND huyện B** về việc thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông **Phạm Công H1**.

Vì UBND huyện B hủy bỏ các quyết định số 1311/QĐ-UBND ngày 26/9/2017 và quyết định số 2752/QĐ-UBND ngày 05/10/2017 về việc thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ cho ông Phạm Công H1 nên ông Bùi Văn T, bà Phạm Thị X xin rút yêu khởi kiện đối với 02 quyết định trên; ông T, bà X chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết hủy quyết định số 1555/QĐ-UBND ngày 01/11/2017 về việc thu hồi đất của hộ ông Bùi Văn T.

Trong thời gian giải quyết vụ án thì ông Bùi Văn T và bà Phạm Thị X khởi kiện vụ án dân sự đến Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn yêu cầu tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu đối với Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 08/10/2001, giữa bên chuyển nhượng là vợ chồng ông và bên nhận chuyển nhượng là ông Phạm Công H1, bà Nguyễn Thị Hoa P đối với diện tích chuyển nhượng 100m² thuộc một phần thửa đất số 539, tờ bản đồ số 10, diện tích 1870m² xã B, huyện B do hộ ông Bùi Văn T đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 08/9/2020, Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn đã ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự số 20/2020/QĐST-DS với kết quả giao đất cho ông Phạm Công H1 để ông H1 bán đất cho ông Nguyễn Đ và thỏa thuận thứ 02 là xác định diện tích 41m² thuộc một phần thửa đất số 539, tờ bản đồ số 10 (theo bản đồ đo đạc mới thuộc thửa đất số 436, tờ bản đồ số 03) xã B, huyện B đã được nhà nước thu hồi số 2200/QĐ-UBND ngày 12/11/2019 thuộc thẩm quyền sử dụng đất của hộ ông Bùi Văn T nên ông Phạm Công H1 đã rút đơn khiếu nại 41m² nhà nước đã thu hồi.

Do đó, ông Bùi Văn T và bà Phạm Thị X yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau đây:

- Hủy quyết định số 1555/QĐ-UBND ngày 01/11/2017 về thu hồi đất của hộ ông Bùi Văn T vì quyết định này xác định không đúng loại đất theo quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 18/8/2017 và quyết định số 54/QĐ-UBND ngày 10/12/2015 của UBND tỉnh Q ban hành hạn mức giao đất xây dựng nhà ở.

- Hủy quyết định số 2200/QĐ-UBND ngày 12/11/2019 của UBND huyện B thu hồi một phần diện tích thửa đất số 436, tờ bản đồ số 03, xã B của ông Bùi Văn T với diện tích 41m², đất trồng cây hàng năm (BHK) vì quyết định này xác định không đúng loại đất thu hồi, diện tích 41m² là đất ở nhưng lại thu hồi và bồi thường đất trồng cây hàng năm là trái quy định, không đúng loại đất được xác định theo quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 18/8/2017 và quyết định số 54/QĐ-UBND ngày 10/12/2015 của UBND tỉnh Q ban hành.

- Buộc UBND huyện B, tỉnh Quảng Ngãi ra quyết định thu hồi đất của hộ ông Bùi Văn T tổng cộng diện tích 211m² đất ở (170m² thu hồi theo quyết định số 1555/QĐ-UBND ngày 01/11/2017 và 41m² thu hồi theo quyết định số 2200/QĐ-UBND ngày 12/11/2019 của UBND huyện B) và bồi thường, hỗ trợ cấp đất tái định cư theo quy định của pháp luật.

* Tại các văn bản: số 1385/UBND-NC ngày 19/9/2019, số 518/UBND ngày 07/3/2022, số 2758/UBND ngày 16/9/2022; người bị kiện là **UBND huyện B** trình bày:

- Quá trình sử dụng và hồ sơ địa chính: Ông **Bùi Văn T** (vợ là bà **Phạm Thị X**) đang sử dụng thửa đất số 436, tờ bản đồ số 3 (bản đồ địa chính khu đất được Sở Tài nguyên thăm định ngày 24/9/2019), **xã B**. Nguyên thửa đất có nguồn gốc là do Hợp tác xã cấp năm 1980, đến năm 2000, ông **Bùi Văn T** có chuyển nhượng một phần diện tích cho ông **Nguyễn Văn S1**, và năm 2001 ông tiếp tục chuyển nhượng một phần cho ông **Phạm Công H1**, phần diện tích còn lại ông sử dụng mãi đến nay không tranh chấp.

- Về hồ sơ địa chính: Theo bản đồ 299/TTg lập năm thuộc thửa đất số 539, tờ bản đồ số 10, **xã B**, diện tích 1.870m², loại đất T, chủ sử dụng ông **Bùi Văn T**. Thửa đất không có đăng ký trong sổ 5b. Thửa đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông **Bùi Văn T** có số phát hành N 101734, số vào sổ 01125 QSDĐ/588/QĐ-UB(H) cấp ngày 05/6/1998 thuộc thửa đất số 539, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.870m², loại đất 200m² đất ở, 1.670m² đất vườn.

Theo bản đồ địa chính năm 2003, được chỉnh lý, đo đạc thành **03** thửa đất: Thửa đất số **105**, tờ bản đồ số 23, diện tích 350m², loại đất T, chủ sử dụng UBND xã quản lý; Thửa đất số **133**, tờ bản đồ số 23, diện tích 1.222m², loại đất T, chủ sử dụng UBND xã quản lý; Thửa đất số **436**, tờ bản đồ số 23, diện tích 275m², loại đất T, chủ sử dụng **Nguyễn Thị T2**. Theo bản đồ địa chính năm 2003 được đo đạc, chỉnh lý thành **03** thửa là vì sau khi ông **T** được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1998, đến năm 2000 ông **T** có chuyển nhượng một phần diện tích cho ông **Nguyễn Văn S1**, năm 2001 ông tiếp tục chuyển nhượng một phần cho ông **Phạm Công H1**, phần diện tích còn lại ông sử dụng đến nay. Do đó, khi đo đạc bản đồ địa chính năm 2003 được đo đạc, chỉnh lý thành 3 thửa gồm: Thửa đất số 105, tờ bản đồ số 23, diện tích 350m², loại đất T; thửa đất số 133, tờ bản đồ số 23, diện tích 1.222m², loại đất T và thửa đất số 436, tờ bản đồ số 23, diện tích 275m², loại đất T theo hiện trạng sử dụng đất, về quy chủ sử dụng đất theo bản đồ địa chính năm 2003 là do sai sót trong quá trình ghi chép và biên tập chủ sử dụng đất thực hiện đo đạc, xác lập bản đồ địa chính.

Theo bản đồ địa chính khu đất thực hiện dự án Nâng cấp mở rộng **Quốc lộ A**, gồm: Thửa đất số 105, tờ bản đồ số 3, diện tích 312m², loại đất ONT, do ông **Nguyễn Văn S1** kê khai bồi thường. Thửa đất số 133, tờ bản đồ số 3, diện tích 1.222m², loại đất ONT+BHK, do ông **Bùi Văn T** kê khai bồi thường. Thửa đất số 436, tờ bản đồ số 3, diện tích 278m², loại đất ONT, do ông **Bùi Văn T** kê khai (hiện nay ông **Phạm Công H1** đang tranh chấp).

- Kết quả kiểm tra hiện trạng: Ngày 02/6/2020, kiểm tra hiện trạng thửa đất số 539, tờ bản đồ số 10 thể hiện như sau: Thửa đất chia thành **03** thửa: Thửa đất đã chuyển nhượng cho ông **Nguyễn Văn S1**, thửa đất hiện nay ông **Bùi Văn T** đang ở, thửa đất chuyển nhượng cho ông **Phạm Công H1** năm 2001 (đang tranh chấp).

Diện tích xây dựng nhà và công trình phụ của thửa đất ông **Bùi Văn T** là 304,36m². Diện tích chuyển nhượng cho ông **Nguyễn Văn S1** là 128m², loại đất ONT (hiện đã xây dựng nhà). Diện tích chuyển nhượng cho ông **Phạm Công H1** không có vật kiến trúc gì trên đất.

- Ý kiến của **UBND huyện B** đối với nội dung khởi kiện của ông **Bùi Văn T**:

Hộ ông **Bùi Văn T** được **UBND huyện B** cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 05/6/1999 với diện tích 1870m² (đất ở 200m², đất vườn 1670m²) tại đất số 539, tờ bản đồ số 10 **xã B**. Trong quá trình sử dụng đất ông **Bùi Văn T** và bà **Phạm Thị X** có chuyển nhượng đất ở cho ông **Phạm Công H1** theo giấy viết tay ngày 08/10/2001 nhưng đến thời điểm thực hiện dự án ông **Phạm Công H1** vẫn chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Ngày 03/8/2016, **UBND huyện B** ban hành Thông báo số 691/TB- UBND về việc thu hồi đất để xây dựng Dự án đầu tư xây dựng mở rộng **Quốc lộ A đoạn K-Km1045+780 qua huyện B**.

Qua quá trình triển khai thực hiện dự án, ngày 01/11/2017 **UBND huyện B** ban hành Quyết định số 1555/QĐ-UBND về thu hồi đất đang sử dụng của hộ ông **Bùi Văn T**, ở **xã B**. Theo đó, **UBND huyện B** đã thu hồi đất của hộ ông **Bùi Văn T** với diện tích 170m² loại đất trồng cây hàng năm khác thuộc thửa đất 133, tờ bản đồ số 3 (bản đồ thực hiện dự án được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 01/9/2017) chính là thửa đất số 539, tờ bản đồ số 10 được **UBND huyện B** cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 05/6/1999.

Ngày 10/11/2017, **UBND huyện B** ban hành Quyết định số 3372/UBND về bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông **Bùi Văn T** với tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ là 183.501.536 đồng. Ngày 11/01/2018, **Ban Q** xây dựng các công trình giao thông tỉnh phối hợp với **UBND xã B** tổ chức làm việc với ông **Bùi Văn T**. Tại buổi làm việc ông **T** đã thống nhất diện tích đất quy hoạch theo số liệu phương án được phê duyệt nhưng không thống nhất giá bồi thường đất, nhà. Ngoài ra, ông **T** yêu cầu bổ sung một số công trình còn thiếu và các khoản hỗ trợ khác.

Ngày 26/4/2018, **UBND huyện B** đã ban hành Quyết định 1667/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông **Bùi Văn T**. Theo đó, UBND huyện phê duyệt bồi thường, hỗ trợ bổ sung với tổng giá trị 230.592.042 đồng (bao gồm: hỗ trợ như giá bồi thường đất ở do thửa đất có đăng ký trong bản đồ 299/TTg loại đất “T” và các khoản bổ sung khác).

Như vậy, tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ của hộ ông **T** đã được phê duyệt là 414.093.578 đồng. Quá trình thực hiện dự án, Tổ chức làm nhiệm vụ thường đã mời chi trả tiền nhiều lần. Tại buổi vận động ngày 14/6/2018 gia đình ông **T** đã thống nhất nhận tiền và bàn giao mặt bằng trước ngày 30/6/2018. Tuy nhiên sau đó ông **T** không nhận tiền và không bàn giao mặt bằng thực hiện dự án.

Đối với phần diện tích ông đã chuyển nhượng cho ông **Phạm Công H1** theo giấy viết tay năm 2001, theo kê khai và kết quả kiểm kê ngày 10/12/2016 của ông **Phạm Công H1**; xác nhận của **UBND xã B** về nguồn gốc, quá trình quản lý sử dụng

đất, tình trạng tranh chấp về đất đai...ngày 29/5/2017. UBND huyện B đã ban hành Quyết định số 1311/QĐ-UBND ngày 26/9/2017 về thu hồi đất của hộ ông Phạm Công H1. Theo đó, UBND huyện đã thu hồi 41m² đất ở tại nông thôn thuộc thửa đất số 436, tờ bản đồ số 3 (bản đồ thực hiện dự án được Sở T4 thẩm định ngày 14/7/2017). Bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông H1 tại Quyết định số 2752/QĐ-UBND ngày 05/10/2017 với tổng giá trị 20.5000.000 đồng.

Ngày 24/7/2018, UBND huyện B ban hành Quyết định số 2041/QĐ-UBND huỷ bỏ quyết định số 1311/QĐ-UBND ngày 26/9/2017 của UBND huyện vì lý do UBND xã B xác nhận không đúng về chủ sử dụng đất. Ngày 09/8/2019, UBND huyện B ban hành Quyết định số 1376/QĐ-UBND huỷ bỏ quyết định số 2752/QĐ-UBND ngày 05/10/2017 của UBND huyện.

Qua kiểm tra, rà soát về trình tự thủ tục thực hiện thu hồi đất, bồi thường hỗ trợ cho hộ ông Bùi Văn T, UBND huyện xét thấy việc UBND huyện thực hiện thu hồi đất, bồi thường hỗ trợ cho hộ ông Bùi Văn T là đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật hiện hành. Ông Bùi Văn T yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh huỷ Quyết định số 1555/QĐ-UBND về thu hồi đất đang sử dụng của hộ ông Bùi Văn T, ở xã B là không có cơ sở giải quyết.

**** Ý kiến của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Chị Bùi Thị H; Chị Bùi Thị L; Chị Bùi Thị M; A Bùi Văn S: Thống nhất với ý kiến của người khởi kiện ông Bùi Văn T, bà Phạm Thị X không có ý kiến bổ sung gì khác.

2. Ông Phạm Công H1, bà Võ Thị Phụng H2 có ý kiến như sau: Thống nhất và đồng ý với các quyết định số 2041/QĐ-UBND ngày 24/7/2019; Quyết định 1376/QĐ-UBND ngày 09/8/2019 về việc huỷ bỏ các Quyết định số 1311/QĐ-UBND ngày 26/9/2017 và quyết định số 2752/QĐ-UBND ngày 05/10/2017 của UBND huyện B về việc thu hồi và bồi thường cho ông Phạm Công H1. Ông, bà không có ý kiến gì. Còn việc mua bán, chuyển nhượng đất đai giữa ông với ông Bùi Văn T, bà Phạm Thị X hai bên tự thỏa thuận và giải quyết.

3. Người đại diện theo ủy quyền của Ban Q xây dựng các công trình giao thông tỉnh Quảng Ngãi - ông Võ T1 trình bày: Thu hồi đất của ông T là đất vườn, nhưng khi bồi thường và hỗ trợ cho ông T thì bồi thường và hỗ trợ là như đất ở, việc thu hồi và bồi thường cho ông T là phù hợp, đúng pháp luật.

**** Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện:***

UBND huyện B ban hành quyết định số 1555/QĐ-UBND ngày 01/11/2017 và quyết định số 2200/QĐ-UBND ngày 12/11/2019 về thu hồi đất của hộ ông Bùi Văn T, loại đất thu hồi: Đất trồng cây hàng năm khác là không đúng pháp luật. Bởi lẽ, thửa đất được ông T đăng ký theo Chi thị 299/TTg là đất T, trên đất có nhà ở. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn T, tuyên huỷ các quyết định về thu hồi đất của UBND huyện B, buộc UBND huyện B phải thu hồi của hộ ông T 211m² đất ở và cấp cho hộ ông T 01 lô đất tái định cư theo quy định.

* Ý kiến của đại diện **Viện Kiểm sát viên nhân dân tỉnh Q**:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án là chấp hành đúng quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 143; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính năm 2015, tuyên xử:

- Bác yêu cầu khởi kiện của ông **Bùi Văn T** và bà **Phạm Thị X** về việc yêu cầu:

+ Hủy Quyết định số 1555/QĐ-UBND ngày 01/11/2017 của **UBND huyện B**;

+ Hủy Quyết định số 2200/QĐ-UBND ngày 12/11/2019 của **UBND huyện B**;

+ Buộc **UBND huyện B** ra quyết định thu hồi đất của hộ ông **Bùi T** tổng cộng diện tích 211m² và bồi thường hỗ trợ, cấp 01 lô đất tái định cư theo quy định.

- Đình chỉ đối với yêu cầu hủy các Quyết định số 1311/QĐ-UBND ngày 26/9/2017 và Quyết định số 2752/QĐ-UBND ngày 05/10/2017 của **UBND huyện B**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm vụ án hành chính nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa, người bị kiện là **UBND huyện B**; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Quảng Ngãi; chị **Bùi Thị H**, chị **Bùi Thị M**, anh **Bùi Văn S** vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; các ông, bà **Phạm Công H1**, **Nguyễn Thị Hoa P**, **Nguyễn Văn S1** mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 157, 158 Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự trên.

[1.2] Về đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết:

Ngày 14/12/2018, ông **Bùi Văn T** và bà **Phạm Thị X** có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi giải quyết hủy quyết định số 1555/QĐ-UBND ngày 01/11/2017 của **UBND huyện B** về việc thu hồi đất đang sử dụng của hộ ông **Bùi Văn T**, ở xã **B**.

Ngày 28/8/2019, ông **T**, bà **X** có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi giải quyết: Hủy quyết định số 1311/QĐ-UBND ngày 26/9/2017 của **UBND huyện B** về việc thu hồi đất của hộ ông **Phạm Công H1** và quyết định số 2726/QĐ-UBND ngày 05/10/2017 của **UBND huyện B** về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông **Phạm Công H1** (BL 155-156). Tại phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại ngày 08/10/2019, người khởi kiện rút yêu cầu khởi kiện đối với 02 quyết định này.

Tại biên bản làm việc với Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ngày 09/3/2021, ông **T**, bà **X** yêu cầu khởi kiện bổ sung: Hủy Quyết định số 2200/QĐ-UBND ngày 12/11/2019 của **UBND huyện B** về thu hồi một phần diện tích thửa đất số 436, tờ bản đồ số 03, **xã B** của ông **Bùi Văn T** với diện tích 41m², đất bằng trồng cây hàng năm (BHK). Buộc **UBND huyện B**, tỉnh Quảng Ngãi ra quyết định thu hồi đất của hộ ông **Bùi Văn T** tổng cộng diện tích 211m² đất ở (170m² thu hồi theo Quyết định số 1555/QĐ-UBND ngày 01/11/2017 và 41m² thu hồi theo Quyết định số 2200/QĐ-UBND ngày 12/11/2019 của **UBND huyện B**) và bồi thường, hỗ trợ cấp đất tái định cư theo quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu cấp đất tái định cư; tại phiên tòa ngày 27/9/2023, đại diện theo ủy quyền của ông **Bùi Văn T** thay đổi yêu cầu khởi kiện, buộc **UBND huyện B** phải cấp cho hộ gia đình ông **Bùi Văn T** 01 lô đất tái định cư theo quy định.

Xét thấy, việc rút 01 phần yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ 01 phần yêu cầu khởi kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 173 Luật Tổ tụng hành chính. Đối với việc thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện; xét thấy, yêu cầu thay đổi, bổ sung này không nằm ngoài phạm vi khởi kiện ban đầu, đồng thời để đảm bảo giải quyết toàn diện, triệt để vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Luật Tổ tụng hành chính.

Do đó, các quyết định hành chính mà ông **T**, bà **X** khởi kiện là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi theo quy định tại khoản 2 Điều 3, khoản 4 Điều 32, Điều 115 Luật Tổ tụng hành chính.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện: Theo Báo cáo số 222/BC-UBND ngày 19/11/2018 của **UBND xã B**, kèm theo danh sách giao nhận quyết định; ngày 18/7/2018, ông **T** mới nhận được quyết định số 1555/QĐ-UBND ngày 01/11/2017 của **UBND huyện B** (BL 49, 50). Đến ngày 14/12/2018, ông **T**, bà **X** có đơn khởi kiện hủy Quyết định này là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

*[2] Xét quyết định số 1555/QĐ-UBND ngày 01/11/2017 và quyết định số 2200/QĐ-UBND ngày 12/11/2019 của **UBND huyện B***

[2.1] Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành: **UBND huyện B** ban hành quyết định số 1555/QĐ-UBND ngày 01/11/2017 về thu hồi đất đang sử dụng của hộ ông **Bùi Văn T** (sau đây viết tắt là quyết định số 1555/QĐ-UBND ngày 01/11/2017), quyết định số 2200/QĐ-UBND ngày 12/11/2019 về việc thu hồi một phần diện tích thửa đất số 436, tờ bản đồ số 3, **xã B** hiện ông **Bùi Văn T** và ông **Phạm Công H1** đang tranh chấp quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là quyết định số 2200/QĐ-UBND ngày 12/11/2019) là đúng theo quy định tại Điều 62; Điều 66; Điều 67 và Điều 69 Luật Đất đai năm 2013.

[2.2] Nguồn gốc và quá trình quản lý, sử dụng đất: Nguyên thửa đất số 539, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.870m², xã B, được Hợp tác xã N1 cấp cho ông Bùi Văn T năm 1980. Ngày 05/6/1998, UBND huyện B cấp giấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 01125, tại thửa đất 539, tờ bản đồ 10, diện tích 1.870m², trong đó có 200m² đất ở, 1.670m² đất vườn cho hộ ông Bùi Văn T.

Theo trình bày của ông Bùi Văn T và ông Nguyễn Văn S1 trong quá trình làm việc với Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi; vào năm 2000, ông Bùi Văn T có chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn S1 một phần diện tích thửa đất 539, tờ bản đồ số 10; phần diện tích này ông S1 đã làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất riêng và ông S1 đã nhận tiền bồi thường.

Ngoài việc chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn S1; ngày 08/10/2001, ông T, bà X có giấy viết tay chuyển nhượng cho ông Phạm Công H1 và bà Nguyễn Thị Hoa P một phần thửa 539 nhưng không thể hiện diện tích cụ thể. Phần diện tích còn lại sau khi chuyển nhượng, hộ gia đình ông T sử dụng.

[2.3] Hồ sơ địa chính thửa đất:

- Theo Bản đồ 299/TTg lập năm 1989 thuộc thửa đất số 539, tờ bản đồ số 10, xã B, diện tích 1.870m², loại đất T, chủ sử dụng ông Bùi Văn T. Thửa đất không có đăng ký trong sổ 5b.

- Theo bản đồ địa chính năm 2003, thửa đất 539 được chỉnh lý thành 03 thửa đất: Thửa đất số 105, tờ bản đồ số 23, diện tích 350m², loại đất T, chủ sử dụng UBND xã quản lý; Thửa đất số 133, tờ bản đồ số 23, diện tích 1.222m², loại đất T, chủ sử dụng UBND xã quản lý; Thửa đất số 436, tờ bản đồ số 23, diện tích 275m², loại đất T, chủ sử dụng Nguyễn Thị T2. Tại văn bản số 2758/UBND ngày 16/9/2022, UBND huyện B xác nhận: Theo bản đồ địa chính năm 2003 được đo đạc chỉnh lý thành 03 thửa là vì sau khi ông T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1998, đến năm 2000 ông T có chuyển nhượng một phần diện tích cho ông Nguyễn Văn S1, năm 2001 ông tiếp tục chuyển nhượng một phần cho ông Phạm Công H1, phần diện tích còn lại ông sử dụng đến nay. Do đó, khi đo đạc bản đồ địa chính năm 2003 được đo đạc, chỉnh lý thành 3 thửa đất như trên. Về quy chủ sử dụng đất theo bản đồ địa chính năm 2003 là do sai sót trong quá trình ghi chép và biên tập chủ sử dụng đất thực hiện đo đạc, xác lập bản đồ địa chính.

- Theo bản đồ địa chính khu đất thực hiện dự án Nâng cấp mở rộng Quốc lộ A, gồm: Thửa đất số 105, tờ bản đồ số 3, diện tích 312m², loại đất ONT, do ông Nguyễn Văn S1 kê khai bồi thường. Thửa đất số 133, tờ bản đồ số 3, diện tích 1.222m², loại đất ONT+BHK, do ông Bùi Văn T kê khai bồi thường. Thửa đất số 436, tờ bản đồ số 3, diện tích 278m², loại đất ONT, do ông Bùi Văn T kê khai.

[2.4] Thực hiện Dự án đầu tư xây dựng mở rộng Quốc lộ A, đoạn KM 1027-Km 1045+780 qua huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, UBND huyện B đã ban hành quyết định thu hồi đất, quyết định bồi thường, hỗ trợ liên quan đến hộ ông Bùi Văn T như sau:

Ngày 01/11/2017, UBND huyện B ban hành quyết định số 1555/QĐ-UBND ngày 01/11/2017 về việc thu hồi đất của hộ ông Bùi Văn T. Cụ thể, diện tích đất thu hồi 170m² tại thửa đất số 133, tờ bản đồ 03 xã B, loại đất: Trồng cây hàng năm khác, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 01125, tại thửa đất 539, tờ bản đồ 10 của UBND huyện B cấp ngày 05/6/1999 cho hộ ông T. Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông T, bà X khi Nhà nước thu hồi đất là 414.093.587 đồng (BL 119-122, 125-126).

Đối với phần diện tích đất ông Bùi Văn T, bà Phạm Thị X chuyển nhượng cho ông Phạm Công H1 theo giấy viết tay ngày 08/10/2001; ngày 26/9/2017, UBND huyện B ban hành quyết định số 1311/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của hộ ông Phạm Công H1 và quyết định số 2752/QĐ-UBND ngày 05/10/2017 về việc bồi thường và hỗ trợ cho hộ ông H1. Đến ngày 24/7/2019, UBND huyện B ban hành quyết định số 2041/QĐ-UBND về việc hủy bỏ quyết định số 1311/QĐ-UBND ngày 26/9/2017 về việc thu hồi đất của hộ ông Phạm Công H1. Ngày 09/8/2019, UBND huyện B ban hành quyết định số 1376/QĐ-UBND hủy bỏ quyết định số 2752/QĐ-UBND ngày 05/10/2017 về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Phạm Công H1.

Ngày 12/11/2019, UBND huyện B ban hành Quyết định số 2200/QĐ-UBND về việc thu hồi một phần diện tích thửa đất số 436, tờ bản đồ số 3, xã B hiện ông Bùi Văn T và ông Phạm Công H1 đang tranh chấp quyền sử dụng đất. Ngày 18/11/2019, UBND huyện B ban hành Quyết định số 3573/QĐ-UBND bồi thường, hỗ trợ cho ông Bùi Văn T đang sử dụng (hiện hộ ông Phạm Công H1 đang tranh chấp quyền sử dụng đất) đối với 41m² đất bị thu hồi một là 20.500.000 đồng (BL 321, 322).

Ngày 01/5/2020, ông T, bà X khởi kiện vụ án dân sự tại Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn. Theo đơn khởi kiện, ông T, bà X yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng ông và bên nhận chuyển nhượng là ông Phạm Công H1, bà Nguyễn Thị Hoa P đối với một phần thửa đất số 539, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.870m², xã B vô hiệu và xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Tại quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 20/2020/QĐST-DS ngày 08/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn; các bên thỏa thuận diện tích 41m² thuộc một phần thửa đất số 539, tờ bản đồ số 10 (bản đồ đo mới thuộc thửa 436, tờ bản đồ số 3), xã B, huyện B đã được Nhà nước thu hồi theo Quyết định số 2200/QĐ-UBND ngày 12/11/2019 thuộc quyền sử dụng của hộ ông Bùi Văn T (BL 375-376).

[2.5] Ông Bùi Văn T, bà Phạm Thị X cho rằng UBND huyện B ban hành quyết định số 1555/QĐ-UBND ngày 01/11/2017 và quyết định số 2200/QĐ-UBND về việc thu hồi đất trồng cây hàng năm khác tại thửa đất số 133 và thửa đất số 436 là không đúng loại đất vì thửa đất 133 được ông xây dựng nhà từ trước năm 1980, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ gia đình ông là 1.870m² đất T (đất ở nông thôn). Tại Bản áp giá bồi thường do Ban Q xây dựng các công trình giao thông tỉnh Quảng Ngãi đã kê: Mục A: đất trồng cây hàng năm 170m²; Mục B: Nhà cấp 4A diện tích 80,5m², nhà NK7-MH diện tích 83,79m², hai căn nhà có tổng diện tích là 164,29m². Thực tế thu hồi đất của gia đình ông là 210m², trên đất đã có nhà

làm hơn 20 năm, nhưng UBND huyện B không cấp đất tái định cư là xâm phạm đến quyền lợi hợp pháp của gia đình ông.

[2.6] Xét ý kiến trình bày của ông Bùi Văn T, bà Phạm Thị X, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Nguồn gốc thửa đất số 436, diện tích 278m², diện tích thu hồi 41m² và thửa đất 133, diện tích 1.293m², diện tích thu hồi 170m² có nguồn gốc là đất Hợp tác xã cấp năm 1980 cho hộ ông Bùi Văn T. Theo bản đồ 299 lập năm 1989 thuộc thửa đất số 539, tờ bản đồ số 10, xã B, diện tích 1.870m², loại đất T, chủ sử dụng ông Bùi Văn T, nhưng không có tên đăng ký kê khai trong Sổ đăng ký ruộng đất (Sổ đăng ký 5b). Ngày 05/6/1998, hộ ông Bùi Văn T được UBND huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 01125/QĐUB(H), diện tích 1.870m², trong đó có 200m² đất ở và 1.670m² đất vườn.

Tuy thửa đất 539, tờ bản đồ số 10 của hộ ông T được Hợp tác xã cấp năm 1980 được đăng ký 299/TTg là đất (T) nhưng hộ ông T không có tên đăng ký trong sổ 5b nên không đủ điều kiện để xác định thửa đất 539, diện tích 1870m² là đất ở (ONT) theo quy định tại Điều 103 Luật Đất đai năm 2013. Tại khoản 1 Điều 11 Luật Đất đai năm 2013 quy định việc xác định loại đất theo một trong các căn cứ sau đây: “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở đã được cấp trước ngày 10 tháng 12 năm 2009; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất...”. Tại điểm a khoản 5 Điều 24 Nghị định 43/2014/NĐ-CP quy định: “Hộ gia đình, cá nhân sử dụng thửa đất có vườn, ao gắn liền với nhà ở đã được cấp Giấy chứng nhận trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 thì diện tích đất ở được xác định là diện tích ghi trên Giấy chứng nhận đã cấp”. Tại khoản 1 Điều 7 Quyết định số 54/2015/QĐ-UBND ngày 10/12/2015 của UBND tỉnh Q quy định về xác định lại diện tích đất ở đối với trường hợp đã cấp Giấy chứng nhận trước ngày 01/7/2014: “Diện tích đất ở đối với hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận trước ngày 01/7/2014 được xác định như sau: 1. Diện tích đất ở là diện tích ghi trên Giấy chứng nhận đã cấp”.

Như vậy, hộ ông Bùi Văn T được UBND huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 01125/QĐUB(H) ngày 05/6/1998, diện tích 1.870m², trong đó đất ở 200m², đất vườn 1670m², nên ông T bà X cho rằng diện tích 1870m² là đất ở, là không có căn cứ chấp nhận.

Mặt khác, theo kết quả kiểm tra hiện trạng ngày 26/02/2020, ông Bùi Văn T đang xây dựng nhà và công trình phục vụ đời sống tại thửa đất của ông là 304,36m²; thửa đất ông chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn S1 đã được UBND huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 29/6/2004 với 128m², loại đất T3. Như vậy, tổng diện tích đất ở của hộ ông T đã vượt hạn mức theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được UBND huyện B cấp cho hộ ông Bùi Văn T vào ngày 05/6/1998.

[2.7] Từ những căn cứ trên nhận thấy, UBND huyện B ban hành quyết định thu hồi đất số 1555/QĐ-UBND ngày 01/11/2017, diện tích thu hồi 170m² thuộc thửa đất

số 133, tờ bản đồ số 3, loại đất: đất trồng cây hàng năm khác (HNK) và quyết định số 2200/QĐ-UBND ngày 12/11/2019 thu hồi một phần diện tích thửa đất 436, tờ bản đồ số 3, diện tích thu hồi 41m², loại đất: đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK), là đúng quy định của pháp luật. Ông **T**, bà **X** yêu cầu hủy 02 quyết định trên là không có căn cứ chấp nhận.

*[3] Xét yêu cầu buộc UBND huyện B, tỉnh Quảng Ngãi ra Quyết định thu hồi đất của hộ ông **Bùi Văn T** tổng cộng diện tích 211m² đất ở và bồi thường, hỗ trợ cấp 01 lô đất tái định cư theo quy định của pháp luật*

[3.1] Như đã nhận định ở phần [2], UBND huyện B ban hành quyết định số 1555/QĐ-UBND ngày 01/11/2017 thu hồi 170m² thuộc thửa đất số 133, tờ bản đồ số 3, loại đất: Đất trồng cây hàng năm khác và quyết định số 2200/QĐ-UBND ngày 12/11/2019 về thu hồi 41m² thuộc thửa đất 436, tờ bản đồ số 3, loại đất: đất bằng trồng cây hàng năm khác là phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, ông **Bùi Văn T**, bà **Phạm Thị X** yêu cầu Tòa án buộc UBND huyện B ra Quyết định thu hồi đất của hộ gia đình ông với tổng diện tích 211m² đất ở là không có căn cứ chấp nhận.

[3.2] Về yêu cầu cấp 01 lô đất tái định cư: Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai năm 2013 quy định Nhà nước chỉ hỗ trợ tái định cư đối với trường hợp thu hồi đất ở của hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mà phải di chuyển chỗ ở. Do đó, trường hợp của hộ ông **Bùi Văn T** bị thu hồi loại đất HNK nên không được hỗ trợ tái định cư là đúng quy định pháp luật.

Tại điểm c khoản 2 Điều 1 Quyết định 73/2017/QĐ-UBND ngày 06/11/2017 của UBND tỉnh Q quy định: *Trường hợp có nhà ở nhưng không phải di chuyển chỗ ở và chỉ bị thu hồi đất các loại đất khác trong cùng thửa đất ở thì được xem xét giao đất tái định cư bằng 25% diện tích bị thu hồi. Khi diện tích đất tái định cư tính để giao theo tỷ lệ nhỏ hơn 100m² thì không được giao thêm đất tái định cư; Khi diện tích đất tái định cư tính để giao theo tỷ lệ từ 100m² trở lên thì được giao đất tái định cư theo diện tích phân lô của khu tái định cư (nếu hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất có yêu cầu, giao đất tái định cư). Trường hợp đã giao thêm 01 lô mà diện tích tính giao thêm còn lại lớn hơn 100m² thì tiếp tục giao thêm đất tái định cư cho đến khi diện tích tính giao thêm còn lại nhỏ hơn 100m² thì không giao thêm đất tái định cư.*

Do diện tích bị thu hồi của hộ ông **T** là nhỏ hơn 100m² (211m² x 25% = 52,75%) nên không đủ điều kiện để được giao 01 lô đất tái định cư theo quy định.

[4] Từ những căn cứ và nhận định trên, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu khởi kiện của ông **Bùi Văn T**, bà **Phạm Thị X** là không có cơ sở chấp nhận.

[5] Về án phí hành chính sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên ông **T**, bà **X** phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Tuy nhiên, ông **T**, bà **X** là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên ông **T**, bà **X** được miễn án phí hành chính sơ thẩm.

[6] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi là phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử.

[7] Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; khoản 1 Điều 115, điểm a khoản 2 Điều 116; Điều 173; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 11, Điều 83, Điều 103 Luật Đất đai năm 2013; Điều 24 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Quyết định 73/2017/QĐ-UBND ngày 06/11/2017 của UBND tỉnh Q; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông **Bùi Văn T**, bà **Phạm Thị X** về việc yêu cầu Tòa án tuyên hủy:

- Quyết định số 1555/QĐ-UBND ngày 01/11/2017 của UBND huyện B về việc thu hồi đất đang sử dụng của hộ ông **Bùi Văn T**, ở xã B.

- Quyết định số 2200/QĐ-UBND ngày 12/11/2019 của UBND huyện B về thu hồi một phần diện tích thửa đất số 436, tờ bản đồ số 03, xã B hiện ông **Bùi Văn T** và ông **Phạm Công H1** đang tranh chấp quyền sử dụng đất.

- Buộc UBND huyện B, tỉnh Quảng Ngãi ra Quyết định thu hồi đất của hộ ông **Bùi Văn T** tổng cộng diện tích 211m² đất ở (170m² thu hồi theo Quyết định số 1555/QĐ-UBND ngày 01/11/2017 và 41m² thu hồi theo Quyết định số 2200/QĐ-UBND ngày 12/11/2019 của UBND huyện B) và bồi thường, hỗ trợ cấp 01 lô đất tái định cư theo quy định của pháp luật.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông **Bùi Văn T**, bà **Phạm Thị X** về việc yêu cầu Tòa án tuyên hủy:

- Quyết định số 1311/QĐ-UBND ngày 26/9/2017 của UBND huyện B về việc thu hồi đất của hộ ông **Phạm Công H1**

- Quyết định số 2752/QĐ-UBND ngày 05/10/2017 của UBND huyện B về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông **Phạm Công H1**.

3. Về án phí hành chính sơ thẩm: Ông **Bùi Văn T**, bà **Phạm Thị X** được miễn tiền án phí hành chính sơ thẩm.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa hành chính.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Mười

